ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31 /2023/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 11 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ - CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT;

Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng tại Tờ trình số 87/TTr-SYT ngày 22 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Ký hiệu: QCĐP 02:2023/TPHP.

Điều 2: Quy định về kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố được thực hiện theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư Pháp, Tài chính, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND TP;
- Văn phòng TBT Việt Nam;
- Sở Tư pháp;
- UBND các quận, huyện;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố Hải Phòng;
- Báo Hải Phòng;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng;
- CVP và các PCVP UBND TP;
- Phòng NC&KTGS;
- CV: YT;
- Lưu: VT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCĐP 02:2023/TPHP

QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Local technical regulation on Domestic Water Quality in Hai Phong City

HẢI PHÒNG - 2023

Lời nói đầu

QCĐP 02:2023/TPHP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng do Ban soạn thảo biên soạn trên cơ sở quy định giao quyền tại QCVN 01-1:2018/BYT, Sở Y tế thành phố Hải Phòng trình duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành theo Quyết định số 31.../2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9.. năm 2023.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước) được thành lập và hoạt động trên địa bàn thành phố Hải Phòng; các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Các đơn vị cấp nước ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác có mạng lưới cấp nước cho người dân trên địa bàn thành phố Hải Phòng sẽ không áp dụng theo Quy chuẩn này mà áp dụng theo Quy chuẩn của địa phương nơi cơ sở đó có hoạt động khai thác, sản xuất.

3. Quy chuẩn này không áp dụng đối với nước uống trực tiếp tại vòi, nước đóng bình, đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng bình, đóng chai, nước sản xuất ra từ các bình lọc nước, hệ thống lọc nước và các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng yêu cầu sử dụng cho mục đích ăn uống, vệ sinh của con người (viết tắt là nước sạch).

2. Thông số cảm quan là những yếu tố về màu sắc, mùi vị có thể cảm nhận được bằng các giác quan của con người.

3. CFU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "Colony Forming Unit" có nghĩa là đơn vị hình thành khuẩn lạc.

4. NTU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "Nephelometric Turbidity Unit" có nghĩa là đơn vị đo độ đục.

5. TCU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "True Color Unit" có nghĩa là đơn vị đo màu sắc.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

Điều 4. Danh mục các thông số chất lượng nước sạch, ngưỡng giới hạn cho phép.

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
Các thông số nhóm A			
Thông số vi sinh vật			
1	Coliform	CFU/100 mL	<3
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1
Thông số cảm quan và vô cơ			
3	Arsenic (As)(*)	mg/L	0,01
4	Clo dư tự do(**)	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0
5	Độ đục	NTU	2
6	Màu sắc	TCU	15
7	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ
8	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5
9	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	2
10	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	2
11	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	0,05
12	Chloride (Cl^-)	mg/L	300
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$	mg/L	300
Thông số nhóm B			
Thông số vi sinh vật			
14	Tụ cầu vàng *(Staphylococcus aureus)*	CFU/ 100mL	< 1

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
15	Trực khuẩn mủ xanh (*Ps. aeruginosa*)	CFU/ 100mL	< 1
Thông số vô cơ			
16	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,3
17	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003
18	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	0,3
19	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01
20	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1
21	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	2
22	Chromi (Cr)	mg/L	0,05
23	Fluor (F)	mg/L	1,5
24	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
25	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2
26	Natri (Na)	mg/L	200
27	Nickel (Ni)	mg/L	0,07
28	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
29	Sunphat	mg/L	250
30	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000
31	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	0,001
32	Xyanua (CN^-)	mg/L	0,05
Thông số hữu cơ			
33	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	1
Thông số hóa chất bảo vệ thực vật			

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
34	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	100
35	MCPA	µg/L	2
36	Molinate	µg/L	6
37	Permethrin Mg/t	µg/L	20
38	Propanil Uq/L	µg/L	20
Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ			
39	Bromodichloromethane	µg/L	60
40	Bromoform	µg/L	100
41	Chloroform	µg/L	300
42	Dibromochloromethane	µg/L	100

Chú thích:

- Dấu (*) chỉ áp dụng các đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (-) là không có đơn vị tính

- Hai chất Nitrit và Nitrat đều có khả năng tạo methemoglobin. Do vậy, trong trường hợp hai chất này đồng thời có mặt trong nước sinh hoạt thì tổng tỷ lệ nồng độ (C) của mỗi chất so với giới hạn tối đa (GHTĐ) của chúng không được lớn hơn 1 và được tính theo công thức sau:

$$C_{nitrat}/GHTĐ_{nitrat} + C_{nitrit}/GHTĐ_{nitrit} \leq 1$$

Điều 5. Thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch

1. Việc thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận được công nhận phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025.

2. Thông số chất lượng nước sạch: Tất cả các đơn vị cấp nước phải tiến hành thử nghiệm định kỳ các thông số chất lượng nước sạch nhóm A, nhóm B theo *điểm a và b khoản 3* Điều này.

3. Thử nghiệm định kỳ

a) Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với thông số chất lượng nước sạch nhóm A – QCĐP: Không ít hơn 01 lần/ 1 tháng.

b) Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với thông số chất lượng nước sạch nhóm B – QCĐP: Không ít hơn 1 lần/ 6 tháng.

4. Đơn vị cấp nước phải tiến hành thử nghiệm toàn bộ 99 thông số chất lượng nước sạch theo quy định tại *khoản 4 Điều 5* QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế.

Điều 6. Số lượng và vị trí lấy mẫu thử nghiệm

Các quy định về số lượng, vị trí lấy mẫu thử nghiệm áp dụng theo quy định tại *Điều 6* QCVN 01-1:2018/BYT.

Điều 7. Phương pháp lấy mẫu, phương pháp thử

Phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch được thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 QCVN 01-1:2018/BYT.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

Điều 8. Công bố hợp quy

Đơn vị sản xuất nước sạch phải công bố hợp quy theo quy định tại *khoản 2 Điều 4* Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi tại *khoản 2 Điều 1* Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Chính phủ. Phương thức đánh giá sự phù hợp quy định tại *điểm a khoản 1 Điều 5* Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Đơn vị sản xuất nước sạch gửi bản công bố hợp quy theo Mẫu tại Phụ lục số 02 QCVN 01-1:2018/BYT đến Sở Y tế để thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, ra Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

a) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các ban, ngành liên quan hướng dẫn triển khai, tổ chức thực hiện và có trách nhiệm kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi bổ sung Quy chuẩn này phù hợp với yêu cầu quản lý.

b) Tiếp nhận bản công bố hợp quy của đơn vị cấp nước trên địa bàn thành phố.

2. Các đơn vị cấp nước

a) Bảo đảm chất lượng nước và thực hiện việc giám sát chất lượng nước sạch theo quy định tại Quy chuẩn này và quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế, Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ Y tế.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

Trong trường hợp các quy định về phương pháp thử theo Tiêu chuẩn quốc gia, Quy chuẩn quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới, văn bản mới./.